TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN ĐỊNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÕA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **171**/2019/HNGĐ - ST Ngày: 18-10-2019 V/v: Ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Sấn

2. Bà Vũ Thị Nguyệt

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký TAND huyện Yên Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 18/10/2019 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2019/TLST - HNGĐ ngày 27/6/2019 về việc Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 03/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh NVC, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn LX, xã YT, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị NTL, sinh năm 1992.

ĐKHKTT: Thôn LX, xã YT, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 41, Khu Công nghiệp xã Định Liên, xã Định Liên, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của anh NVC ngày 21/6/2019 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn anh NVC trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị NTL xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết hôn ngày 09/12/2015 tại UBND xã YT, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 02 năm, đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Cuộc sống có nhiều điểm bất đồng

nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Vợ chồng sống ly thân và thôi quan hệ sinh lý từ tháng 4/2019. Từ khi ly thân hai bên không quan tâm đến nhau. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn nên xin được ly hôn chị L.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị NTL, nhưng chị L không đến Tòa án làm việc. Tòa án phải đến tại nơi ở của chị L để tiến hành lấy lời khai của chị L. Tại biên bản lấy lời khai chị L trình bầy như sau:

Chị và anh NVC kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã YT, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến tháng 4/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C nghĩ chị bị bệnh tật, khó sinh con, nên anh C chán nản. Ngoài ra anh C hay uống rượu và đi chơi về khuya. Vợ chồng sống ly thân và thôi quan hệ sinh lý từ tháng 4/2019. Từ khi ly thân hai bên không quan tâm đến nhau. Anh C xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đồng ý ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh C có mặt, chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh C vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, Điều 146, Điều 266, Điều 227, Điều 228 BLTTDS và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu anh C được ly hôn chị L; Về con chung và tài sản chung: Không có gì, nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Về án phí: Anh C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn của anh C và chị L là đúng quy định về thẩm quyền xét xử, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị L có đơn xin đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị L là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị L là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Đó là nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Hai bên sống ly thân từ tháng 4/2019 đến nay.

Đánh giá thực trạng mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng: Anh C và chị L sống ly thân hơn 06 tháng nay, không ai quan tâm đến ai. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Hiện tại đời sống chung đã chấm dứt. Nay anh C xin ly hôn, về phía chị L cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn. Như vậy, HĐXX xác định tình trạng hôn nhân giữa anh C và chị L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn là phù hợp.

- *Về con chung*: Anh C và chị L trình bầy vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

- *Về tài sản và công nợ chung*: Anh C và chị L trình bầy vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

- *Về án phí*: Anh C khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng*: Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS; Điểm a khoản 1 Điều

24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- *Tuyên xử:*

Về Hôn nhân: Chấp nhận anh NVC được ly hôn chị NTL.

Về con chung: Không có.

Về tài sản và công nợ chung: Không có.

Về án phí: Anh NVC phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn)* mà anh C đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, theo Biên lai thu số AA/2015/0003289 ngày 27/6/2019. Chấp nhận anh C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho nguyên đơn trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt, thời hạn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKS huyện Yên Định;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- UBND xã YT;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Thắng